

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 481/2025/DS-PT
Ngày 25 - 7 - 2025
V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tạng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Ông Nguyễn Chí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Hữu Nghi, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025, về việc “*Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 362/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 05/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã G, huyện C, (nay ấp C, xã P), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà N là: Anh Trần Rin C, sinh năm 1985. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 16/7/2024.

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn M, huyện T, (nay xã T), tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1958;

2.2. Chị Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1978;

2.3. Chị Phạm Thị Hồng A, sinh năm 1980;

2.4. Chị Phạm Văn K, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã G, huyện C, (nay ấp C, xã P), tỉnh Đồng Tháp.

* Người kháng cáo: Bà Trần Thị Cẩm H là bị đơn.

Có mặt anh C, bà H, chị Hồng A. Chị T, anh K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Anh Trần Rin C đại diện cho nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày:***

Do có quen biết nên ngày 01/9/2009 âm lịch (nhằm ngày 18/10/2009), bà Phan Thị N có cho bà Trần Thị Cẩm H, bà Phạm Thị Hồng T, bà Phạm Thị Hồng A, ông Phạm Văn K vay số tiền 130.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 3%/tháng, thời hạn vay 03 tháng sẽ trả vốn và lãi cho bà N. Mục đích bà H, bà T, bà A, ông K vay tiền là để làm ăn kinh tế. Sau khi hết thời hạn thoả thuận, bà N nhiều lần yêu cầu bà H, bà T, bà A, ông K trả vốn và lãi như thoả thuận nhưng bà H chỉ trả được 36.200.000 đồng tiền vốn, đối với số tiền 100.000.000 đồng bà H cho rằng đã trả cho bà N thì phía nguyên đơn bà N không thừa nhận. Do đó, xác định số tiền vốn vay bà H còn nợ bà N là 93.800.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện và tại Biên bản hoà giải ngày 05/12/2024, bà Phan Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết các nội dung như sau: Buộc bà Trần Thị Cẩm H, bà Phạm Thị Hồng T, bà Phạm Thị Hồng A, ông Phạm Văn K trả cho bà Phan Thị N số tiền vay 93.800.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ tháng 6/2009 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên toà, anh Trần Rin C đại diện bà Phan Thị N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Trần Thị Cẩm H trả cho bà N số tiền vốn 93.800.000 đồng và lãi với mức lãi suất 0,87%/tháng tính từ ngày vay 01/4/2009 (al) đến ngày xét xử sơ thẩm, rút yêu cầu liên đới trả tiền vay và tiền lãi của bà Phan Thị N đối với bà Phạm Thị Hồng T, bà Phạm Thị Hồng A, ông Phạm Văn K.

**** Bị đơn bà Trần Thị Cẩm H trình bày:***

Bà Trần Thị Cẩm H có vay tiền 130.000.000 đồng của bà Phan Thị N vào năm 2009 nhưng không nhớ rõ ngày, tháng vay. Khi vay có thoả thuận lãi suất 3%/tháng. Sau đó, bà H có trả tiền vay cho bà N tổng số tiền vốn vay 136.200.000 đồng, đã trả dư 6.200.000 đồng và không yêu cầu bà N trả lại cho bà H 6.200.000 đồng. Cụ thể, ngày 13/01/2011, bà H đã trả cho chồng của bà N là ông Lê Văn Đ, sinh năm 1955 (đã chết) số tiền 36.200.000 đồng được bà N thừa nhận như trình bày ở trên. Sau đó, bà H có trả tiếp cho bà N số tiền

100.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ không ai biết.

Tại phiên tòa, bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N do bà H đã trả xong, không còn nợ tiền của N.

*** Bị đơn chị Phạm Thị Hồng A trình bày:**

Chị Hồng A là con gái của bà H, chị Hồng A thống nhất với lời trình bày của bà H. Ngoài ra, chị Hồng A không trình bày gì thêm.

**Chị Hồng T, anh K vắng mặt khi hoà giải, công khai chứng cứ và xét xử nên không có lời trình bày.*

* Tại Quyết định Bản án sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N;
- Đình chỉ phần yêu cầu liên đới trả tiền vay vốn và lãi của bà Phan Thị N đối với bà Phạm Thị Hồng T, bà Phạm Thị Hồng A, ông Phạm Văn K.
- Buộc bà Trần Thị Cẩm H có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị N số tiền vay 93.800.000 đồng và tiền lãi 155.051.000 đồng; Tổng cộng 248.851.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm năm mươi một nghìn*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 03 tháng 3 năm 2025 bà Trần Thị Cẩm H là bị đơn có đơn kháng cáo: Bà Trần Thị Cẩm H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 23/2025/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025 và yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Cẩm H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát

viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26, Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Trần Thị Cẩm H kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định. Các đương sự vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 273, 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 01/4/2009 (al), bà N có cho bà H vay số tiền 130.000.000 đồng, thời hạn vay đến tháng 8/2009 al, lãi suất 3.000đ/1triệu/ngày, khi vay bà H có viết biên nhận. Đến hạn, bà H không trả vốn, lãi. Ngày 15/9/2009 al, bà H viết lại biên nhận có vay của bà N số tiền 130.000.000 đồng đến nay đã quá hạn hợp đồng, tổng số tiền lãi 50.700.000 đồng chưa trả.

[3] Theo bà N, sau khi làm biên nhận ngày 15/9/2009 (al) phía bà H đi nơi khác sinh sống đến nay. Bà H chỉ có trả được số tiền 36.200.000 đồng, còn nợ số tiền 100.000.000 đồng vốn.

[4] Về phía bà H thừa nhận có vay của bà N số tiền 130.000.000 đồng, bà H cho rằng dù đi nơi khác sinh sống, nhưng bà H có gửi tiền vốn về trả cho bà N hàng năm tổng số tiền 136.200.000 đồng, không còn nợ tiền bà N, nên không đồng ý theo yêu cầu bà N.

[5] Xét thấy, về phía bà N thừa nhận bà H có trả cho bà N số tiền 36.200.000.000 đồng. Số tiền còn lại 100.000.000 đồng, bà N không thừa nhận có nhận tiền do bà H trả. Bà H không có chứng cứ chứng minh bà N đã nhận số tiền 100.000.000 đồng của bà H. Đối với số tiền 36.200.000 đồng bà N thống nhất trừ vốn số tiền vốn vay, sau khi trừ vào tiền vốn vay, bà N yêu cầu bà H trả 93.800.000 đồng là có căn cứ.

[6] Đối với việc bà N yêu cầu tính lãi của số tiền 93.800.000 đồng từ ngày 01/4/2009 al (tức ngày 25/4/2009 dl) đến ngày xét xử sơ thẩm 21/02/2025, theo mức lãi suất 0,87%/ tháng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Lãi suất vay do các bên thỏa thuận, nhưng không quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 công bố (tại thời điểm giao dịch năm 2009 lãi suất cơ bản năm 2009 là 7%/năm) và khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm. Bà N cho bà H vay lãi suất 3% là vượt quá quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nay bà N yêu cầu bà H trả lãi suất 0,87%/ tháng là phù hợp với

quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Theo đó, số tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày vay 25/4/2009 dl (tức ngày 01/4/2009 âl) đến ngày xét xử sơ thẩm 21/02/2025: 190 tháng (tính tròn) x 93.800.000đồng x 0,87%/tháng= 155.051.000 đồng.

[8] Như vậy, bà H có nghĩa vụ trả vốn, lãi cho bà N tổng cộng vốn, lãi: 248.851.000 đồng (vốn 93.800.000 đồng + lãi 155.051.000 đồng).

[9] Án sơ thẩm xử buộc bà H trả cho bà N số tiền 248.851.000 đồng là có căn cứ.

[10] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của bà H là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Cẩm H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[12] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[13] Do kháng cáo của bà Cẩm H không được chấp nhận, nên bà Cẩm H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ vào Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308; Khoản 1, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Cẩm H.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2025/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N;
2. Đình chỉ phần yêu cầu liên đới trả tiền vay vốn và lãi của bà Phan Thị N đối với chị Phạm Thị Hồng T, chị Phạm Thị Hồng A, anh Phạm Văn K.

3. Buộc bà Trần Thị Cẩm H có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị N số tiền vay 93.800.000 đồng và tiền lãi 155.051.000 đồng, tổng cộng 248.851.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm năm mươi một nghìn*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

+ Bà Trần Thị Cẩm H được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

+ Bà N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV THA Tòa án Tỉnh,
- VKSND Tỉnh;
- TAND khu vực 9, tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 9 - Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Tấn Tạng